

**BÁO CÁO****Kết quả công tác thi hành án dân sự, hành chính 06 tháng đầu năm 2020  
và nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu công tác 06 tháng cuối năm 2020  
(Từ ngày 01/10/2019 đến hết ngày 31/3/2020)**

Ngay từ đầu năm, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Hệ thống thi hành án dân sự (THADS) tập trung triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án (sau đây gọi là Nghị quyết 96/2019/QH14). Sau 06 tháng triển khai thực hiện nhiệm vụ, trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, lan rộng ra nhiều địa phương trong toàn quốc, ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp báo cáo sơ kết và đề xuất nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu công tác THADS, hành chính (HC) 06 tháng cuối năm 2020.

**Phần thứ nhất:****KẾT QUẢ CÔNG TÁC THADS, HÀNH CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020****I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ THADS, HC**

Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa 14 đã thông qua Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019. Trước đó, ngày 15/11/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg về việc tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính (THAHC).

Ngày 01/01/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, trong đó yêu cầu Bộ Tư pháp: “*Phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi hành án, tập trung vào các vụ việc trọng điểm. Thực hiện hiệu quả các giải pháp phòng ngừa và xử lý các vướng mắc, khiếu nại của nhà đầu tư. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương, không để phát sinh “điểm nóng” gây mất trật tự, an toàn xã hội*”. Cùng ngày, Chính phủ cũng



đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 và định hướng đến năm 2021.

Ngày 24/12/2019, tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai công tác Tư pháp năm 2020, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đã phát biểu chỉ đạo: “... *Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đổi mới phương thức THADS, THAHC, tạo chuyển biến cơ bản, bền vững về mọi mặt trong tổ chức hoạt động, cần tập trung chỉ đạo ra quyết định thi hành án đúng quy định của pháp luật 100% đối với các bản án, quyết định về dân sự đã có hiệu lực pháp luật*”.

Thực hiện các nội dung chỉ đạo nêu trên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Chương trình hành động và Kế hoạch triển khai<sup>1</sup>, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về công tác THADS, HC như: (i) *Tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật liên quan đến THADS, THAHC.* (ii) *Phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi hành án được giao.* (iii) *Tập trung giải quyết các vụ việc trọng điểm, các vụ việc phức tạp, kéo dài, các vụ việc liên quan đến tín dụng, ngân hàng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng để áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, nhất là trong các vụ án kinh tế, tham nhũng để bảo đảm thi hành án.* (iv) *Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 96/2019/QH14 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấp hành pháp luật Tố tụng hành chính và THAHC.*

Ngày 19/12/2019, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch<sup>2</sup> triển khai thực hiện Kết luận và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trong công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế theo Kế hoạch số 192-KH/BCĐTW.

Ngày 23/12/2019, Bộ Tư pháp đã ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực THADS, HC để kịp thời triển khai công tác trong toàn hệ thống THADS. Trên cơ sở đó, toàn Hệ thống THADS đã ban hành Kế hoạch công tác năm của từng đơn vị làm căn cứ triển khai thống nhất, toàn diện trên tất cả các mặt công tác. Ngày 27/12/2019, Tổng cục THADS đã ban hành Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các cơ quan THADS địa phương năm 2020 với 09 nhóm chỉ tiêu cơ bản<sup>3</sup>, làm cơ sở để các Cục THADS ban hành Quyết định giao chỉ tiêu cụ thể cho từng Chi cục và Chấp hành viên.

Bộ cũng đã chỉ đạo tổ chức các buổi làm việc trực tuyến về công tác THADS, HC (giao ban trực tuyến Quý I/2020; trực tuyến với 63 địa phương về

<sup>1</sup> Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 17/01/2020 ban hành Chương trình hành động của Ngành Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, NQ số 02/NQ-CP.

<sup>2</sup> Kế hoạch số 120-KH/BCSD ngày 19/12/2019.

<sup>3</sup> Quyết định số 1484/QĐ-TCTHADS ngày 27/12/2019.



đánh giá tác động, ảnh hưởng của dịch Covid -19 đối với công tác THADS) để đôn đốc thực hiện nhiệm vụ, đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề ra các giải pháp khắc phục trong thời gian tiếp theo.

## II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

### 1. Về kết quả thi hành việc, tiền

- Về việc: Tổng số giải quyết là 638.383 việc, trong đó: Số cũ chuyển sang là 297.922 việc; số thụ lý mới là 340.461 việc, tăng 22.988 việc (tăng 7,24%) so với cùng kỳ năm 2019.

Tổng số phải thi hành là 632.362 việc, trong đó: Số có điều kiện thi hành là 489.760 việc, chiếm 77,45% trong tổng số phải thi hành; số chưa có điều kiện là 138.777 việc, chiếm 21,95% trong tổng số phải thi hành.

Thi hành xong 259.558 việc, tăng 16.772 việc (tăng 6,91%) so với cùng kỳ năm 2019; đạt tỉ lệ **53,00%** (giảm 0,13% so với cùng kỳ năm 2019) (**Phụ lục I**).

- Về tiền: Tổng số giải quyết là 248.653 tỷ 384 triệu 498 nghìn đồng, trong đó: Số cũ chuyển sang là 180.170 tỷ 245 triệu 546 nghìn đồng; số thụ lý mới là 68.483 tỷ 138 triệu 952 nghìn đồng, tăng 12.686 tỷ 080 triệu 867 nghìn đồng (tăng 22,74%) so với cùng kỳ năm 2019.

Tổng số phải thi hành là 238.530 tỷ 181 triệu 590 nghìn đồng, trong đó: Số có điều kiện thi hành là 144.888 tỷ 798 triệu 663 nghìn đồng, chiếm 60,74% trong tổng số phải thi hành; số chưa có điều kiện là 85.200 tỷ 732 triệu 128 nghìn đồng, chiếm 35,72% trong tổng số phải thi hành.

Thi hành xong 24.932 tỷ 859 triệu 166 nghìn đồng, tăng 6.515 tỷ 486 triệu 783 nghìn đồng (tăng 35,38%) so với cùng kỳ năm 2019; đạt tỉ lệ **17,21%** (tăng 0,58% so với cùng kỳ năm 2019) (**Phụ lục II**).

- Tổng số việc, tiền chưa có điều kiện chuyển số theo dõi riêng là 74.095 việc, tương ứng với 37.489 tỷ 84 triệu 937 nghìn đồng.

- Số việc chuyển kỳ sau 372.804 việc, giảm 38.407 việc (**giảm 9,34%**) so với cùng kỳ năm 2019, tương ứng 213.597 tỷ 322 triệu 425 nghìn đồng, tăng 41.678 tỷ 340 triệu 286 nghìn đồng (**tăng 24,24%**) so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó, TP. Hồ Chí Minh có tổng số giải quyết là 79.547 việc, tương ứng với số tiền trên 98.000 tỷ đồng (chiếm 12,5% số việc và 39,5% số tiền thụ lý của toàn quốc), thi hành xong đạt 48,41% về việc và 19,8% về tiền. TP. Hà Nội có tổng số giải quyết là 37.002 việc, tương ứng với số tiền trên 40.559 tỷ đồng (chiếm 5,8% số việc và 16,31% số tiền thụ lý của toàn quốc), thi hành xong đạt 47,26% về việc và 9,90% về tiền.



- Về thi hành án tín dụng ngân hàng

+ Tổng số thụ lý là 30.298 việc (chiếm 4,79% số việc thụ lý toàn quốc), tăng 5.025 việc so với cùng kỳ năm 2019, tương ứng với số tiền trên 151.523 tỷ 321 triệu đồng (chiếm 63,5% số tiền thụ lý toàn quốc).

+ Đã thi hành xong 2.070 việc, đạt tỷ lệ 10,51% (tăng 290 việc, tăng 0,31% so với cùng kỳ năm 2019). Thu được số tiền trên 16.434 tỷ 942 triệu đồng, đạt tỷ lệ 15,34% (tăng trên 6.142 tỷ 868 triệu đồng, tăng 3,52% so với cùng kỳ năm 2019).

- Về thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế: Tổng số phải thi hành 4.980 việc, với số tiền trên 68.029 tỷ đồng. Số có điều kiện là 3.410 việc, với số tiền trên 42.205 tỷ đồng. Đã thi hành xong 1.679 việc, với số tiền là trên 7.746 tỷ đồng. Số chưa có điều kiện thi hành 1.569 việc, với số tiền trên 23.401 tỷ đồng.

- Về thi hành phần nghĩa vụ dân sự trong bản án, quyết định hình sự của người phải thi hành án đang chấp hành án phạt tù: Tổng số việc phải thi hành là 82.371 việc (tăng 6% so với cùng kỳ năm 2019), tương ứng số tiền trên 29.597 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ năm 2019). Đã thi hành xong: 24.593 việc (tăng 21% so với cùng kỳ năm 2019), thu được số tiền là trên 1.758 tỷ đồng (tăng 164% so với cùng kỳ năm 2019), đạt tỷ lệ về việc 53% và 11,6% về tiền. Chưa thi hành xong: 57.775 việc, tương ứng với số tiền trên 27.839 tỷ đồng.

- Về miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án: Đã đề nghị xét miễn, giảm 1.504 việc, tương ứng với số tiền trên 06 tỷ 601 triệu đồng. Đã xét miễn, giảm được 1.251 việc, tương ứng với số tiền trên 05 tỷ 533 triệu đồng. Tăng 33 việc (tăng 2,24%), giảm trên 2 tỷ 740 triệu đồng (giảm 29,34%) so với cùng kỳ năm 2019.

- Về bán đấu giá tài sản:

+ Tổng số việc bán đấu giá thành là 1.530 việc, tương ứng với trên 5.225 tỷ 634 triệu đồng. Đã giao tài sản là 930 việc, tương ứng trên 2.412 tỷ 882 triệu đồng, chiếm 60,78% về việc, 46,2 % về tiền. Chưa giao tài sản cho người mua 579 việc (504 việc chưa giao từ năm 2019 chuyển sang), tương ứng trên 2.741 tỷ 318 triệu đồng, chiếm 37,8% về việc, 52,45 % về tiền. Hủy kết quả bán đấu giá 21 việc, tương ứng trên 71 tỷ 433 triệu đồng, chiếm 1,42% về việc, 1,35% về tiền.

+ Tổng số việc bán đấu giá chưa thành là 2.518 việc (giảm 76 việc so với cùng kỳ 2019), tương ứng trên 9.006 tỷ 805 triệu đồng.

## **2. Về kết quả theo dõi thi hành án hành chính**

Đã tiếp nhận 1.368 bản án, quyết định về hành chính; đã thực hiện theo dõi 579 việc (kỳ trước chuyển sang là 324 việc); đã ra văn bản thông báo tự nguyện thi hành án đối với 358 việc; đăng tải công khai 114 Quyết định buộc thi hành án hành chính của Tòa án; tổ chức làm việc với người phải thi hành án 119 vụ việc;



có văn bản kiến nghị xử lý đối với 32 trường hợp do vi phạm nghĩa vụ thi hành án. Đã thi hành xong 138/441 vụ việc (**Phụ lục III**).

### **3. Công tác xây dựng đề án, văn bản**

Đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 về việc tăng cường chấp hành pháp luật TTHC và THAHC; Nghị định 33/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 62/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS; đã ký ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 21/11/2019 về chế độ báo cáo thống kê THADS, theo dõi THAHC.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang khẩn trương chỉ đạo chuẩn bị cho việc tổng kết thực hiện Luật THADS năm 2008, nghiên cứu đề xuất xây dựng Luật THADS sửa đổi để đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và triển khai các hoạt động nghiên cứu, xây dựng Đề án trình Ban Bí thư ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Đồng thời tập trung xây dựng, trình ban hành, ban hành các văn bản theo thẩm quyền nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, ổn định cho công tác THADS, HC (**Phụ lục IV**).

### **4. Công tác hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng trong THADS**

#### **4.1. Công tác hướng dẫn nghiệp vụ**

Công tác hướng dẫn, nghiệp vụ tiếp tục được chú trọng, bảo đảm chất lượng và thời hạn (*đã tiếp nhận và giải quyết xong 192/207 hồ sơ đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ, đạt tỷ lệ 92,7%*), không có tình trạng tồn đọng các nội dung đề nghị hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ; đồng thời quan tâm chỉ đạo khắc phục các sai sót, vi phạm về chuyên môn nghiệp vụ đối với các Chi cục và Chấp hành viên. Ngoài việc tổ chức tập huấn, ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, các Cục đã chủ động tổ chức họp liên ngành với các sở, ban, ngành hoặc kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ban Chỉ đạo THADS đối với các vụ việc khó khăn, phức tạp; thường xuyên duy trì chế độ họp giao ban để nắm bắt tình hình và kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc công tác THADS trên địa bàn.

Bộ Tư pháp đã kịp thời chỉ đạo rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc để hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời và áp dụng thống nhất pháp luật trong toàn hệ thống; phối hợp với Bộ Tài chính chấn chỉnh công tác thẩm định giá trong THADS. Đồng thời, chú trọng đổi mới về phương thức bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ<sup>4</sup>, bảo đảm hiệu quả.

<sup>4</sup> Tập huấn nghiệp vụ thi hành án tháng 12/2019 tại Bình Định.



## **4.2. Về công tác kiểm tra; phòng, chống tham nhũng trong THADS**

Chỉ đạo đổi mới phương thức hoạt động kiểm tra. Theo đó, trước khi kiểm tra, địa phương được kiểm tra phải báo cáo bằng văn bản về các nội dung dự kiến kiểm tra để nghiên cứu, xem xét trước khi thực hiện việc kiểm tra chính thức; chỉ đạo ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác THADS năm 2020<sup>5</sup>, trong đó bao gồm nội dung kiểm tra về công tác phòng, chống tham nhũng trong THADS<sup>6</sup>. Bên cạnh đó, Tổng cục THADS cũng đã thành lập một số đoàn công tác để kiểm tra công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế như vụ Hứa Thị Phấn, vụ Hà Văn Thắm...; kiểm tra công tác quản lý, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ và xử lý tiền thu của phạm nhân năm 2019; tổ chức đợt kiểm tra liên ngành công tác THADS, kết hợp kiểm tra công tác giao nhận, quản lý, xử lý tang, tài vật trong THADS.

Tại địa phương, 63/63 Cục THADS cũng đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác năm 2020 trên địa bàn theo hướng 100% Cục, Chi cục thực hiện việc tự kiểm tra; Cục THADS kiểm tra toàn diện tối thiểu 1/3 số đơn vị trên địa bàn...

Công tác phòng, chống tham nhũng trong THADS luôn được Bộ Tư pháp quan tâm chỉ đạo, 06 tháng đầu năm 2020, Bộ đã chỉ đạo ban hành Kế hoạch phòng, chống tham nhũng trong Hệ thống THADS năm 2020; tổ chức, quán triệt, triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực toàn Hệ thống.

## **5. Về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; theo dõi kiến nghị, kháng nghị**

### **5.1. Về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Tiếp tục duy trì thực hiện việc tiếp công dân định kỳ và đột xuất, bố trí địa điểm tiếp công dân, công chức có phẩm chất, kỹ năng dân vận và tinh thần phục vụ làm công tác tiếp công dân; niêm yết lịch tiếp công dân, ban hành Nội quy, Quy chế tiếp công dân theo quy định; tăng cường công tác đối thoại, chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại phức tạp, hướng dẫn công dân thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Trong 06 tháng đầu năm 2020, Bộ đã tiếp 158 lượt công dân, cơ quan THADS tiếp 5.401 lượt công dân (trong đó, lãnh đạo cơ quan THADS tiếp 2.507 lượt), có 02 đoàn khiếu kiện đông người (TP. Hồ Chí Minh, Long An).

Toàn Hệ thống đã tiếp nhận tổng số 4.058 đơn. Đã giải quyết xong 1.326/1.559 việc thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 85,05%.

Đơn thư khiếu nại, tố cáo tập trung nhiều ở các tỉnh, thành phố lớn và có lượng án cao<sup>7</sup>. Một số địa phương không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo<sup>8</sup>.

<sup>5</sup> Ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ-TCTHADS ngày 07/02/2020.

<sup>6</sup> Gia Lai, Sóc Trăng (Dự kiến thời gian kiểm tra: Quý II, III/2020).

<sup>7</sup> Hà Nội (353 đơn khiếu nại, 141 đơn tố cáo), TP. Hồ Chí Minh (164 đơn khiếu nại, 36 đơn tố cáo), Tây Ninh (126 đơn khiếu nại, 30 đơn tố cáo), Cần Thơ (95 đơn khiếu nại, 12 đơn tố cáo), Quảng Ngãi (74 đơn khiếu nại, 26 đơn tố cáo), Vĩnh Long (96 đơn khiếu nại, 01 đơn tố cáo)...



Một số địa phương có lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo lớn nhưng giải quyết xong, đạt tỷ lệ cao<sup>9</sup>.

Toàn Hệ thống có 29 vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài (năm 2019 chuyển sang 27 vụ, phát sinh mới 02 vụ) tập trung tại 14 địa phương<sup>10</sup>. Đã giải quyết xong 05 vụ việc, trong đó có 02 vụ xong hoàn toàn, 03 vụ việc đang sự không còn khiếu nại, tố cáo, hiện đang đôn đốc chỉ đạo giải quyết việc thi hành án. Còn 24 vụ việc đang tiếp tục chỉ đạo giải quyết.

## 5.2. Về công tác theo dõi kiến nghị, kháng nghị

Bộ đã thường xuyên chỉ đạo theo dõi, tổng hợp, giải quyết, báo cáo về tình hình thực hiện các kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu hoặc kết luận giám sát của các cơ quan có thẩm quyền. Trong đó, Tổng cục THADS đã tiếp nhận 35 văn bản của Viện kiểm sát nhân dân các cấp chuyển nội dung khiếu nại, tố cáo, (đã ban hành 02 quyết định giải quyết khiếu nại, 05 Thông báo không thụ lý giải quyết tố cáo tiếp, 10 văn bản chỉ đạo chỉ đạo giải quyết đơn, 07 văn bản chuyển đơn đến cơ quan THADS địa phương); đã ban hành văn bản đôn đốc, chỉ đạo thực hiện đối với 13 Kết luận kiểm sát, 03 Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân các cấp; kịp thời nghiên cứu, có văn bản trả lời đối với các văn bản kháng nghị thuộc thẩm quyền xem xét, trả lời của Tổng cục theo đúng quy định.

## 6. Về công tác bồi thường Nhà nước và bảo đảm tài chính

Toàn Hệ thống THADS tiếp tục theo dõi 30 vụ việc từ năm 2019 chuyển sang. Đã giải quyết xong 09 vụ việc, còn 21 vụ việc đang xem xét, giải quyết<sup>11</sup>. Toàn quốc có 07 vụ việc đảm bảo tài chính (06 vụ việc từ kỳ trước chuyển sang). Đã giải quyết xong 01 vụ việc. Hiện còn 06 vụ việc đang xem xét, giải quyết.

## 7. Về công tác tổ chức cán bộ

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị, Bộ Tư pháp đã hoàn thành việc sắp xếp đối với 12 Chi cục THADS cấp huyện. Việc thực hiện biên chế và tinh giản biên chế được đẩy mạnh (38 trường hợp).

Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp đã phê duyệt mới và rà soát bổ sung quy hoạch Cục trưởng Cục THADS đối với 09 địa phương, cho chủ trương đối với 09 địa phương; Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt quy hoạch Phó Cục trưởng của 03 địa phương, cho chủ trương đối với 12 địa phương, phê duyệt quy hoạch của 98

<sup>8</sup> Hà Nam, Lai Châu, Lào Cai.

<sup>9</sup> Nghệ An (100%), Quảng Ngãi (100%), Quảng Ninh (100%), Thừa Thiên Huế (100%)...

<sup>10</sup> Bình Định; TP. Hồ Chí Minh; Cần Thơ; Tây Ninh; Hà Nội; Nghệ An; Thái Bình; Hải Phòng; Hậu Giang; Cà Mau Đắc Nông; Gia Lai; An Giang...

<sup>11</sup> 01 vụ việc Bộ Tư pháp đã thẩm định xong và có công văn đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí, 03 vụ việc Tổng cục THADS đã có văn bản phối hợp, chỉ đạo, hiện nay cơ quan THADS địa phương và các đơn vị có liên quan đang thực hiện, 13 vụ việc Tòa án đang xem xét, giải quyết, 04 vụ việc cơ quan THADS đang trong giai đoạn xem xét, giải quyết.



Chi cục THADS. Trong công tác bổ nhiệm, Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng cục trưởng; bổ nhiệm 01 Vụ trưởng, 01 Phó Vụ trưởng phụ trách; Tổng Cục trưởng bổ nhiệm 03 Phó Cục trưởng, bổ nhiệm lại 09 Phó Vụ trưởng, Phó cục trưởng, 89 Chi cục trưởng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếp tục được chú trọng với nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp hơn với từng đối tượng và tình hình thực tế. Chỉ đạo tổ chức các lớp trực tuyến trong thời gian chống dịch. Lập danh sách cử công chức đi học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ THADS, lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương..

### **8. Về bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc**

Đã triển khai thực hiện các chỉ tiêu dự toán Ngân sách nhà nước được giao theo đúng tiến độ, kế hoạch đề ra; triển khai đầy đủ quy trình lập phương án phân bổ, giao, điều chỉnh, thông báo, hướng dẫn, công khai, báo cáo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trong toàn Hệ thống THADS; xử lý ngân sách cuối năm 2019; tổ chức đấu thầu, triển khai và hướng dẫn các đơn vị thực hiện 04 gói thầu mua sắm tập trung năm 2019; xây dựng kế hoạch mua sắm năm 2020, đề xuất danh mục mua sắm tập trung năm 2020...

Tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện nghiêm, có hiệu quả công tác quản lý, sử dụng phí THADS; tổ chức cập nhật, theo dõi, xây dựng báo cáo định kỳ, năm, phương án điều hòa và thực hiện điều hòa phí cho các cơ quan THADS năm 2019 và đợt 1 năm 2020 để bổ sung kinh phí hoạt động.

Đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán 05 dự án hoàn thành; rà soát, tổng hợp báo cáo kết quả đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Hệ thống THADS; phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật 53 dự án khởi công năm 2020; tổng hợp, báo cáo giám sát đánh giá đầu tư năm 2019; tổng hợp báo cáo giải ngân vốn năm 2019; thông báo kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn năm 2019 sang năm 2020 đối với 21 dự án giao vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 (đợt 1).

### **9. Về công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin**

Bộ Tư pháp đã chỉ đạo ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Hệ thống THADS<sup>12</sup> để triển khai đồng bộ trên mọi phương diện, trong đó xác định cải cách TTHC, ứng dụng CNTT là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực THADS, theo dõi THAHC.

Toàn Hệ thống đã tiếp tục tập trung rà soát, công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực THADS; triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa trong tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

<sup>12</sup> Quyết định số 158/QĐ-TCTHADS ngày 20/02/2020



Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích. Tăng cường sử dụng thống nhất, đồng bộ chữ ký số, văn bản điện tử trong trao đổi văn bản trong Hệ thống; tiếp tục việc thực hiện sử dụng Hệ thống SMS trong thông tin, thông báo nội bộ; triển khai áp dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên kết với trực liên thông văn bản quốc gia tại các cơ quan THADS. Chỉ đạo thực hiện đơn giản hóa chế độ báo cáo; tăng cường giao ban trực tuyến với các cơ quan THADS địa phương...

Chỉ đạo ban hành Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong THADS năm 2020<sup>13</sup>, trong đó tập trung hoàn thiện các phần mềm phục vụ hoạt động quản lý điều hành và tiếp tục chú trọng triển khai các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong toàn Hệ thống, tiến tới đáp ứng theo yêu cầu “Chính phủ điện tử”, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, minh bạch hóa công tác THADS, nêu cao tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp.

### **10. Công tác phối hợp trong THADS**

Các Quy chế phối hợp liên ngành với các bộ, ngành liên quan như Tòa án, Viện kiểm sát, Nội chính, Công an, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội tiếp tục phát huy hiệu quả, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến địa phương, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác THADS. Bộ Tư pháp đã chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức tổng kết Quy chế phối hợp liên ngành số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 09/10/2013 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác THADS và Quy chế số 01/QCLN/NHNNVN-BTP ngày 18/3/2015 giữa Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Bộ Tư pháp trong công tác THADS. Đối với việc tổ chức sơ kết Quy chế số 01/QCLN/NHNNVN-BTP, sau khi nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng nhà nước về việc tiếp tục duy trì thực hiện Quy chế này, Bộ Tư pháp đã có văn bản chỉ đạo các cơ quan THADS địa phương tiếp tục thực hiện Quy chế đến khi có chủ trương mới.

Công tác phối hợp giữa Bộ Tư pháp và cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục được tăng cường, đã tổ chức nhiều đoàn làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động THADS, nhất là trong công tác tổ chức cán bộ và chỉ đạo giải quyết các vụ án lớn, phức tạp, kéo dài. Cấp ủy, chính quyền các địa phương tiếp tục quan tâm, ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác THADS trên địa bàn.

Ban chỉ đạo THADS các cấp thường xuyên được rà soát, kiểm tra, hoạt động có hiệu quả nhất là trong chỉ đạo công tác phối hợp thi hành án, tổ chức cưỡng chế, chỉ đạo giải quyết những vụ án lớn, những vụ việc khó khăn, phức

<sup>13</sup> Quyết định số 248/QĐ-TCTHADS ngày 20/3/2020



tạp. Tại nhiều địa phương, Ban Chỉ đạo THADS đã tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động, định kỳ họp giải quyết các vụ việc THADS hiệu quả.

### **11. Về công tác truyền thông báo chí, hợp tác quốc tế, thi đua khen thưởng**

Đã tổ chức họp báo định kỳ hàng Quý theo Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; thường xuyên phối hợp với một số cơ quan báo chí tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền kết quả công tác THADS, kịp thời phản ánh những kết quả đóng góp của Hệ thống đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương; chỉ đạo xử lý các tin bài có nội dung phản ánh tập trung về tình hình hoạt động của các cơ quan trong Hệ thống THADS. Ngoài ra, nhằm giúp các cơ quan THADS chủ động nghiên cứu, tham mưu các cấp triển khai nhiều hoạt động thúc đẩy truyền thông, tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực THADS, theo dõi THAHC<sup>14</sup>, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trong lĩnh vực THADS, THAHC giai đoạn 2020 - 2022.

Đã ban hành Kế hoạch hoạt động đối ngoại cấp Vụ năm 2020<sup>15</sup> và văn bản triển khai hoạt động đối ngoại<sup>16</sup>, theo đó, năm 2020, sẽ chủ trì, phối hợp tổ chức 02 đoàn ra cấp Bộ và 02 đoàn ra cấp Vụ. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp, Tổng cục THADS đang tiếp tục trao đổi, đàm phán với một số Chương trình/Dự án quốc tế để tổ chức các hoạt động hỗ trợ Bộ trong nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện thể chế về THADS. Đặc biệt, nhằm triển khai Kế hoạch các hoạt động Việt Nam chủ trì trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2020, Bộ đã chỉ đạo xây dựng nội dung phiên làm việc thứ hai của Diễn đàn Pháp luật ASEAN với chủ đề “*Chia sẻ kinh nghiệm của các quốc gia thành viên ASEAN trong nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật và thi hành các bản án, quyết định của Tòa án*”<sup>17</sup>.

Đã chỉ đạo ban hành Kế hoạch<sup>18</sup> phát động phong trào thi đua năm 2020 với chủ đề “*Toàn Hệ thống THADS đoàn kết, năng động, vượt khó, thi đua thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ, công tác thi hành án dân sự năm 2020*”.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành Tư pháp đã xem xét, trình cấp có thẩm quyền 25 hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước<sup>19</sup>. Hiện nay, đang tiếp nhận, rà soát, đánh giá, thẩm định đối với các Hồ sơ đề nghị điển hình tiên tiến cơ sở giai đoạn 2015 - 2020 theo quy định.

<sup>14</sup> Quyết định số 2862/QĐ-BTP ngày 13/11/2019.

<sup>15</sup> Quyết định số 475/QĐ-BTP ngày 10/3/2020 của Bộ Tư pháp

<sup>16</sup> Công văn số 118/BTP-HTQT-m ngày 11/3/2020 của Bộ Tư pháp

<sup>17</sup> (dự kiến Diễn đàn sẽ tổ chức tại Hà Nội vào Quý III/2020 với sự tham gia của 10 quốc gia thành viên ASEAN và một số quốc gia đối tác trong ASEAN+).

<sup>18</sup> Kế hoạch số 244/KH-TCTHADS ngày 21/01/2020

<sup>19</sup> 05 Huân chương lao động hạng nhì; 07 Huân chương lao động hạng ba; 11 Bằng khen TTg; 02 Chiến sĩ thi đua toàn quốc.



## **Đánh giá chung**

Trong bối cảnh tổng số giải quyết tăng cả về việc và về tiền (tăng 7,24% về việc và tăng 22,74% về tiền), sự tác động tiêu cực bước đầu của dịch bệnh (từ tháng 2/2020) nhưng các cơ quan THADS địa phương vẫn nỗ lực để giữ được nhịp độ, kết quả và thậm chí cao hơn so với cùng kỳ cả về việc và về tiền. Một số địa phương đạt tỷ lệ thi hành án cao, về việc: Hà Tĩnh, Hưng Yên, Bắc Kạn, Hà Giang, Cao Bằng...; về tiền: Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Phú Thọ, Hưng Yên, Khánh Hòa...

Đạt được kết quả như trên là do Bộ đã tích cực chỉ đạo toàn Hệ thống THADS triển khai quyết liệt toàn diện, đồng bộ, sâu sát, kịp thời các mặt công tác. Bên cạnh việc tiếp tục bám sát các nội dung, yêu cầu của các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương 4 khóa XI, XII về trách nhiệm nêu gương, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... Bộ đã kịp thời quán triệt chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị quyết số 96/2019/QH14, các Nghị quyết của Chính phủ và thực hiện nhiệm vụ trong Kết luận và chỉ đạo của các Đoàn kiểm tra theo Kế hoạch 192/KH- BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Có thể khẳng định, công tác THADS 06 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, qua đó góp phần bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, trật tự, an toàn xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác THADS, HC 06 tháng đầu năm 2020 còn một số tồn tại, hạn chế cần được nghiêm túc khắc phục, rút kinh nghiệm trong 06 tháng cuối năm 2020. Với những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh trong các tháng vừa qua và trong thời điểm hiện nay, các đơn vị trong toàn Hệ thống tiếp tục cố gắng, giữ nhịp, bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch công tác năm 2020 để kết thúc năm công tác hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

## **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Vẫn còn một số địa phương có kết quả THADS đạt thấp (so với bình quân chung của toàn quốc là 53% về việc và 17,21% về tiền)<sup>20</sup>. Kết quả thi hành các vụ việc tín dụng ngân hàng đạt thấp so với bình quân toàn quốc (chỉ đạt 10,51% về việc và 15,34% về tiền), trong khi các việc loại này chiếm tỷ lệ 4,79% về việc và

<sup>20</sup> Về việc: Trà Vinh (39,95%), Vĩnh Long (41,87%), Hậu Giang (42,25%), Tây Ninh (43,81%), Cần Thơ (44,24%)... Về tiền: Quảng Bình (2,44%), Hà Nam (4,67%), Nam Định (5,18%), Thanh Hóa (6,14%), Quảng Nam (6,49%), Hải Phòng (7,25%), Đà Nẵng (7,71%), Yên Bái (8,88%), Sơn La (9,21%), Tuyên Quang (9,29%)...



63,5% về tiền so với tổng số việc và tiền phải thi hành. Tương tự, kết quả thi hành phân nghĩa vụ dân sự của người phải thi hành án đang chấp hành án phạt tù đạt thấp (đạt 11,6% về tiền).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số Thủ trưởng cơ quan THADS địa phương còn chưa sát sao, quyết liệt, vẫn còn để xảy ra sai sót. Một số thủ trưởng cơ quan THADS chậm ra quyết định thi hành án hoặc ra quyết định chưa chính xác; ra quyết định thu hồi quyết định về thi hành án không đúng quy định...

- Vẫn còn xảy ra tình trạng vi phạm của công chức, Chấp hành viên; nhiều vụ việc chậm giao tài sản cho người mua trúng đấu giá, dẫn đến khiếu nại, tố cáo, dễ phát sinh bồi thường.

- Đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm 2019, trong khi kết quả giải quyết chưa cao (85,05%). Một số vụ việc chưa được xử lý dứt điểm tại cơ sở nên vẫn còn tình trạng công dân bức xúc, đến địa điểm tiếp công dân của Bộ Tư pháp khiếu nại, tố cáo vượt cấp.

- Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành và chuyên môn, nghiệp vụ hiệu quả áp dụng còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

## **2. Khó khăn, vướng mắc**

### **2.1. Các khó khăn, vướng mắc chung:**

- Chế tài xử lý đối với việc trốn tránh, chống đối việc thi hành án chưa đủ mạnh, nhất là trong lĩnh vực THAHC; quy trình, thủ tục thi hành án chưa thực sự tinh gọn, qua nhiều công đoạn, thủ tục dẫn đến kéo dài việc thi hành án<sup>21</sup>.

- Công tác phối hợp chưa thật sự nhịp nhàng, hiệu quả; nhiều vụ việc đương sự khiếu nại, tố cáo nhiều lần, khiếu nại vượt cấp, gửi đơn đến nhiều cơ quan, ban ngành với nội dung không chính xác để kéo dài tiến độ giải quyết án, nhưng chưa có biện pháp xử lý dứt điểm.

- Tài sản thi hành án bán đấu giá nhiều lần không thành, dẫn đến việc thi hành án kéo dài<sup>22</sup>. Lượng tiền phải thi hành trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế chiếm tỷ lệ lớn, tài sản có tính chất phức tạp, khó xử lý hoặc việc xử lý mất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, việc kê khai tài sản, kiểm soát thu nhập

<sup>21</sup> Xác định tài sản thuộc sở hữu chung, về lựa chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá tài sản hoặc bất cập, mâu thuẫn với các quy định của pháp luật có liên quan như việc kê biên, xử lý tài sản là quyền sử dụng đất chưa được cấp GCNQSDĐ đất hoặc việc công chứng hợp đồng mua bán tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng nhưng không thu được giấy tờ gốc...

<sup>22</sup> 953 việc bán đấu giá từ 02 lần trở xuống, 814 việc bán đấu giá từ 3-5 lần, 539 việc bán đấu giá từ 6-10 lần, 146 việc từ bán đấu giá từ 11-15 lần, 38 việc bán đấu giá từ 16-19 lần, 28 việc bán đấu giá từ 20 lần trở lên.



cá nhân còn chưa hoàn thiện, dẫn đến việc xác minh, nắm bắt thông tin về tài sản, thu nhập của người phải thi hành án gặp nhiều khó khăn.

- Trụ sở làm việc, kho vật chứng còn chưa bảo đảm, vẫn còn có đơn vị chưa có trụ sở làm việc đang phải đi thuê, mượn trụ sở và nhiều đơn vị chưa có kho vật chứng.

## 2.2. Các khó khăn, vướng mắc do tình hình dịch bệnh Covid -19 gây ra

- Từ tháng 02/2020, do dịch diễn biến ngày càng phức tạp và lan rộng ra nhiều địa phương nên cả hệ thống chính trị phải vào cuộc để tập trung phòng chống dịch. Vì vậy, công tác tổ chức thi hành án nói chung và công tác phối hợp gặp rất nhiều khó khăn (nhiều vụ việc phải tạm dừng việc xác minh điều kiện thi hành án, việc cưỡng chế có huy động lực lượng, các cuộc họp liên ngành để bàn biện pháp tổ chức thi hành án hoặc nhiều vụ việc giao tài sản nhưng chưa thực hiện được do thiếu thành phần tham gia...) đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 06 tháng cuối năm, thậm chí là ảnh hưởng đến cả kết quả công tác của năm 2021.

## 3. Nguyên nhân

### a) Về chủ quan

- Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo một số đơn vị chưa thực sự quyết liệt; chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra còn hạn chế nên chưa kịp thời phát hiện và khắc phục những hạn chế, sai sót.

- Tinh thần trách nhiệm của Chấp hành viên, Lãnh đạo Chi cục một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công việc. Năng lực, trình độ của đội ngũ công chức, Chấp hành viên cơ quan THADS chưa đồng đều, chưa bảo đảm đáp ứng tình hình lượng án và tính chất phức tạp của vụ việc ngày càng tăng hàng năm.

- Công tác phối hợp với một số cơ quan, đơn vị có liên quan trong một số trường hợp hiệu quả chưa cao hoặc chưa đồng thuận về phương án giải quyết.

### b) Về khách quan

- Số việc và tiền thụ lý tăng cao: 06 tháng đầu năm 2020 tăng gần 23 nghìn việc (7,24%) và trên 12.600 tỷ đồng (22,74%) so với cùng kỳ năm 2019. Bên cạnh đó, còn gần 139 nghìn việc với trên 85.201 tỷ đồng chưa có điều kiện thi hành, phải đôn đốc, xác minh theo định kỳ.

- Một số vụ việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng thiếu hồ sơ, tài liệu để xử lý tài sản mặc dù trước đó cơ quan THADS đã có nhiều văn bản đề nghị<sup>23</sup> hoặc đã có văn bản đề nghị xem xét, kháng nghị bản án theo thủ tục giám đốc thẩm nhưng đến nay chưa nhận

<sup>23</sup> Vụ Giang Kim Đạt; vụ Phạm Công Danh.



được văn bản trả lời<sup>24</sup>. Một số bản án không ghi rõ thông tin của người bị kết án (số căn cước công dân, số chứng minh thư nhân dân, số hộ chiếu...) nên khó khăn trong việc xác minh, truy tìm tài sản của người phải thi hành án. Việc phối hợp xác nhận nội nghiệp đối với bản vẽ hiện trạng tài sản kê biên trong một số vụ việc còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý tài sản<sup>25</sup>...

- Chưa có cơ chế, chế tài đủ mạnh để bảo vệ Chấp hành viên trong trường hợp đương sự manh động, chống đối quyết liệt; nhiều trường hợp lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của Chấp hành viên nhưng chưa được kịp thời xử lý nghiêm để răn đe, phòng ngừa chung.

### **Phần thứ hai:**

## **NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CÔNG TÁC 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020 VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

### **I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

Khác với mọi năm, 06 tháng đầu năm 2020, toàn hệ thống chính trị đang tập trung toàn lực để phòng chống dịch Covid-19, hoạt động của các cơ quan nhà nước diễn ra ở mức thấp, trong đó có việc hạn chế thực hiện tác nghiệp tại cơ sở của các cơ quan THADS như xác minh tại cơ sở, kê biên, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản.

Dự báo trong 06 tháng cuối năm 2020, khi dịch bệnh chấm dứt, bên cạnh việc tập trung giải quyết các hồ sơ thi hành án đang thi hành thì còn phải thụ lý một số lượng lớn án tù các Tòa án nhân dân chuyển sang (đã bị tạm dừng trong 06 tháng đầu năm). Điều này dễ dẫn đến tình trạng quá tải cho toàn hệ thống dưới áp lực phải hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, nhất là vào thời điểm cuối năm công tác. Để khắc phục tình trạng trên, Ban Cán sự, Lãnh đạo Bộ Tư pháp tiếp tục chỉ đạo toàn hệ thống THADS tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành hiệu quả các văn bản pháp luật về THADS, HC. Tổ chức tổng kết Luật THADS 2008 và lập đề nghị xây dựng Luật THADS sửa đổi.

2. Khắc phục khó khăn, phấn đấu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành án. Tập trung thi hành, nâng cao tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng, kinh tế, án tín dụng, ngân hàng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính chính xác trong phân loại và tổ chức thi hành án; ra quyết định thi hành án đúng quy định đối với 100% bản án, quyết định có hiệu

<sup>24</sup> Vụ Phạm Công Danh liên quan đến Khu phức hợp Sân vận động Chi Lăng, T.p Đà Nẵng.

<sup>25</sup> Vụ Hứa Thị Phấn, vụ Huỳnh Thị Huyền Như.



lực thi hành. Theo dõi việc thi hành 100% bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về vụ án hành chính có nội dung theo dõi thi hành.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng hướng dẫn nghiệp vụ, bảo đảm chất lượng, đúng trình tự, thủ tục 100% và đúng thời hạn ít nhất 95% số văn bản xin ý kiến chỉ đạo; khắc phục các vi phạm trong kê biên, đấu giá tài sản thi hành án; hạn chế tối đa các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường nhà nước và các vụ việc đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản.

4. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong toàn hệ thống. Thực hiện tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân năm 2013. Giải quyết xong ít nhất 97% số đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; chủ động, phối hợp giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại tố cáo, phức tạp, kéo dài.

5. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức làm công tác THADS trong sạch, vững mạnh, đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hệ thống tổ chức THADS. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành theo phương châm “hướng về cơ sở”, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành và công tác chuyên môn nghiệp vụ, tạo sự công khai, minh bạch, nêu cao tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp.

7. Tập trung đầu tư xây dựng trụ sở, kho vật chứng cho các cơ quan THADS chưa có trụ sở, kho vật chứng hoặc đã xuống cấp. Bảo đảm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan THADS trong toàn Hệ thống. Tăng cường kiểm tra, đảm bảo thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản đúng pháp luật, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các sai phạm.

8. Các cơ quan THADS tùy theo diễn biến, tình hình dịch bệnh cụ thể tại địa phương, chủ động đề xuất phương án, giải pháp phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bổ sung vào kế hoạch công tác năm 2020 để đối phó với tình hình dịch bệnh Covid-19 và các hậu quả do dịch bệnh này gây ra.

## **II. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành**

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo chủ trương, Nghị quyết của Đảng, các Nghị quyết, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ liên quan đến công tác THADS, HC năm 2020; các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác, chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Lãnh đạo Bộ Tư pháp về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm THADS, HC.



- Tiếp tục sâu sát, quyết liệt trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, bám sát từng địa bàn, lĩnh vực, vụ việc phụ trách. Bám sát tình hình dịch bệnh Covid-19 và các chỉ đạo cụ thể của Chính phủ, tập trung chỉ đạo, bảo đảm kết thúc năm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ THADS, HC được giao, phù hợp với bối cảnh chung của đất nước. Thủ trưởng các cơ quan THADS từ Tổng cục đến Cục, Chi cục nâng cao nhận thức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong thực hiện nhiệm vụ; kiểm soát chặt chẽ, khoa học, công việc của công chức, người lao động tại đơn vị.

- Tổng cục THADS chủ động tham mưu cho Lãnh đạo Bộ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác THADS, HC; hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ bảo đảm chất lượng, thời hạn theo quy định; phối hợp với các cơ quan, ban ngành ở Trung ương và cấp ủy, chính quyền địa phương kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn công tác THADS; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan THADS, kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm để có biện pháp chấn chỉnh, xử lý.

- Thủ trưởng cơ quan THADS thường xuyên kiểm soát, nắm bắt tiến độ giải quyết án của các Chấp hành viên, đặc biệt là những vụ việc có giá trị thi hành lớn, phức tạp, có nhiều khó khăn, vướng mắc để kịp thời chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ giải quyết; tổ chức thi hành dứt điểm những vụ việc có điều kiện thi hành; động viên, khen thưởng đối với các đơn vị, Chấp hành viên giải quyết nhanh, hiệu quả đối với các vụ việc phức tạp, có giá trị thi hành lớn, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương, đồng thời xử lý nghiêm đối với những đơn vị, Chấp hành viên còn chậm trễ trong giải quyết án hoặc vi phạm trình tự, thủ tục thi hành án, nhất là trong khâu kê biên, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản.

Đặc biệt trong bối cảnh nước ta đã kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, các hoạt động kinh tế - xã hội đã dần trở lại bình thường, đề nghị các cơ quan THADS chủ động rà soát chương trình, kế hoạch, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương và chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Chủ động tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tổ chức việc thi hành án, đảm bảo hoàn thành tốt chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

## **2. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế**

Tổng cục THADS chủ động tham mưu cho Lãnh đạo Bộ trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế để kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về THADS; tổ chức tổng kết thi hành Luật THADS năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) để làm cơ sở cho đề xuất sửa Luật THADS.

## **3. Công tác chuyên môn, nghiệp vụ và kiểm tra**

- Quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về THADS và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là các quy định mới được ban hành tại



Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 và Thông tư số 06/TT-BTP ngày 21/11/2019. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, hướng dẫn, nghiệp vụ theo hướng sâu sát, cụ thể, xác định rõ trách nhiệm, thời gian hoàn thành; chú trọng tổng hợp thực tiễn, lựa chọn những vụ việc với những khó khăn, vướng mắc, bất cập điển hình hướng dẫn thống nhất chung trong toàn quốc để rút kinh nghiệm; định kỳ tổ chức giao ban trực tuyến chấn chỉnh những sai sót, vi phạm trong quá trình thẩm định giá, đấu giá tài sản kê biên và giao tài sản trúng đấu giá thành.

Cơ quan THADS bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; có kế hoạch tổ chức thi hành án cụ thể, phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của từng vụ việc theo từng địa phương trong những tháng tiếp theo; chỉ đạo quyết liệt việc tổ chức thi hành án trong các đợt thi hành án cao điểm; thường xuyên báo cáo những khó khăn, bất cập từ thực tiễn để được kịp thời hướng dẫn chỉ đạo giải quyết. Chú trọng công tác xác minh điều kiện thi hành án và phân loại án có điều kiện và không có điều kiện, bảo đảm chính xác, kịp thời; tổ chức thi hành dứt điểm đối với các vụ việc có điều kiện thi hành. Hạn chế sai sót, bảo đảm tính khách quan trong công tác thẩm định giá, đấu giá tài sản kê biên. Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc giao tài sản đã bán đấu giá thành.

- Tập trung, quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc, tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao hiệu quả công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng, kinh tế; những vụ việc liên quan đến tín dụng, ngân hàng; tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật và thực tiễn từng địa phương để nâng cao hiệu quả đối với các vụ việc loại này.

- Theo dõi việc chấp hành pháp luật TTHC, trong đó có nội dung thực hiện các Kết luận kiểm tra về việc chấp hành pháp luật TTHC và THAHC và Chỉ thị số 26/CT-TTg. Tham mưu kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc chậm, không chấp hành án hành chính theo quy định của Luật TTHC năm 2015, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Làm việc trực tiếp với Ủy ban nhân dân một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn nhiều bản án hành chính chưa được thi hành.

- Thực hiện nghiêm chế độ tiếp công dân. Tăng cường đối thoại trực tiếp, giải quyết triệt để các khiếu nại, tố cáo của công dân từ cơ sở, hạn chế phát sinh các khiếu nại, tố cáo vượt cấp làm phức tạp tình hình; chủ động, tích cực đề xuất tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương, Ban Chỉ đạo THADS tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các việc THADS trọng điểm, phức tạp, kéo dài; nghiêm túc đăng tải công khai quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 trên Cổng, Trang thông tin điện tử THADS; thường xuyên rà soát, tổng hợp những sai sót, vi phạm thường gặp rút kinh nghiệm chung trong Hệ thống.



- Thực hiện nghiêm Kế hoạch kiểm tra công tác THADS năm 2020 bảo đảm tiến độ theo Kế hoạch đã ban hành. Sau kiểm tra phải ban hành Kết luận kiểm tra; kịp thời chấn chỉnh, cảnh báo, phòng ngừa những vi phạm, sai sót trong toàn Hệ thống; xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm phát hiện sau thanh tra, kiểm tra.

#### **4. Công tác phối hợp**

- Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong tổ chức thi hành án, nhất là trong tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương; trong việc giải quyết các vụ việc trọng điểm, tham nhũng, kinh tế, phức tạp, kéo dài và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các cơ quan THADS.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Quy chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan. Tham mưu tổ chức tổng kết Quy chế phối hợp liên ngành số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 09/10/2013 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác THADS bằng hình thức linh hoạt, phù hợp. Xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá qua 04 năm triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC để tham mưu đề xuất sửa đổi Thông tư liên tịch.

#### **5. Công tác tổ chức cán bộ**

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, bám sát thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để hoàn thành việc sắp xếp đối với một số Chi cục THADS cấp huyện. Tích cực, chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức đại hội Đảng bộ, Chi bộ của cơ quan THADS thành công, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị đặt ra.

- Thực hiện công tác tuyển dụng, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức THADS. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái công chức, đặc biệt là điều động, tăng cường cho những địa bàn có lượng án lớn, còn thiếu biên chế.

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, đảm bảo khả năng hoàn thành nhiệm vụ; thực hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương công tác, chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức nói chung, chuẩn mực đạo đức Chấp hành viên nói riêng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, thiết thực các Nghị quyết trung ương 4 khóa XI, XII và các hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về trách nhiệm nêu gương, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn hệ thống; có biện pháp xử lý nghiêm đối với những cá nhân, đơn vị có hành vi vi



phạm kỷ luật, kỷ cương, phẩm chất đạo đức, vi phạm việc thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục thi hành án; rà soát, nắm bắt và kiên quyết xử lý những đơn vị có số lượng án hoãn, ủy thác thi hành án, kết quả thi hành án về việc, về tiền tăng đột biến trong những tháng cuối năm, nhưng không phản ánh đúng tình hình, kết quả của đơn vị.

### **6. Công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin**

- Tiếp tục rà soát, công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực THADS, HC; xây dựng và áp dụng mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015; tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tiếp tục quản lý, vận hành nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tại Tổng cục và Trang Thông tin điện tử THADS các Cục THADS địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2020 trong đó tập trung nâng cấp phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo thống kê THADS; phân quyền và triển khai thí điểm đối với 02 phần mềm hỗ trợ trực tuyến THADS và phần mềm cơ sở dữ liệu điện tử người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành. Thực hiện nghiêm chế độ sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số; tăng cường giao ban trực tuyến, sử dụng tin nhắn SMS.

### **7. Về cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động THADS**

- Tiếp tục hướng dẫn các đơn vị triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; thẩm định, trình duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ bản khởi công trong năm 2021 theo quy định; thông báo kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn năm 2019 sang năm 2020; kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc tại các dự án chậm tiến độ.

- Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025” ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổng hợp, phê duyệt, giao, phân bổ, điều chỉnh và hướng dẫn điều hành dự toán thu, chi NSNN năm 2020 cho các cơ quan THADS các cấp và Văn phòng Tổng cục; hướng dẫn và tổng hợp tình hình tài sản của các đơn vị dự toán trực thuộc; xây dựng, triển khai Kế hoạch mua sắm tài sản toàn Hệ thống...

- Thực hiện quản lý, hướng dẫn và điều hành dự toán thu chi ngân sách năm 2020 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra tình hình chấp hành các quy định pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng tài chính, công tác kế toán và đầu tư xây dựng cơ bản, kịp thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm trong lĩnh vực này.



- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho công chức làm công tác THADS; quan tâm, chú trọng, có chế độ chính sách đãi ngộ kịp thời, tương xứng đối với những cán bộ được luân chuyển, điều động, biệt phái.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trong bối cảnh việc và tiền tăng cao so với cùng kỳ năm 2019, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho hoạt động tác nghiệp của Chấp hành viên, để thực hiện có hiệu quả chỉ tiêu, nhiệm vụ THADS, hành chính trong 06 tháng cuối năm 2020, Bộ Tư pháp đề nghị một số vấn đề sau:

1. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền căn cứ bối cảnh, tình hình khó khăn chung của đất nước, có sự đánh giá toàn diện, nếu cần thiết điều chỉnh chỉ tiêu thi hành về việc và về tiền của Hệ thống THADS trong năm 2020, đảm bảo phù hợp với khả năng và điều kiện hiện nay.

2. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo triển khai đầy đủ, toàn diện Nghị quyết số 96/2019/QH14 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 06/02/2017 về việc tăng cường công tác THADS. Tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, Ban chỉ đạo THADS địa phương phối hợp chặt chẽ với các cơ quan THADS trong việc nâng cao hiệu quả công tác THADS, HC; xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật THADS sửa đổi, bổ sung; kiện toàn về tổ chức, cán bộ của các cơ quan THADS; chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về THADS, HC và một số vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài.

3. Đề nghị các bộ, ngành tiếp tục quan tâm chỉ đạo phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp trong các mặt công tác, trong đó có công tác THADS, hành chính, cụ thể: (i) Bộ Công an tiếp tục chỉ đạo cơ quan Công an các cấp phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án tổ chức bảo vệ an ninh, trật tự, đảm bảo cưỡng chế thi hành án hiệu quả, kịp thời; kiên quyết xử lý hình sự đối với những trường hợp cản trở, chống đối việc thi hành án, cố ý chây ì, không chấp hành án; chuyển giao vật chứng, tài sản, giấy tờ tạm giữ đúng thời hạn. (ii) Bộ Tài chính tiếp tục tập trung chỉ đạo việc tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức thẩm định giá tài sản để thi hành án, xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm. (iii) Ngân hàng Nhà nước tăng cường quản lý, giám sát chính sách tín dụng; nghiên cứu cơ chế để tổ chức tín dụng được nhận tài sản đã đấu giá nhiều lần nhưng không có người mua; kịp thời cung cấp thông tin về tài khoản, nghiêm túc thực hiện các quyết định về phong tỏa, khấu trừ tiền trong tài khoản. (iv) Tòa án nhân dân các cấp tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc chuyển giao bản án, quyết định; nhanh chóng giải quyết đối với các tranh chấp, yêu cầu về xác định phần sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án



trong tài sản chung của hộ gia đình; giải quyết đúng thời hạn đối với các kiến nghị của cơ quan THADS; kịp thời giải thích bản án, quyết định tuyên không rõ, đảm bảo tính khả thi. (v) Viện kiểm sát nhân dân các cấp tăng cường kiểm sát, trong đó chú trọng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các đối tượng là tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức thi hành án, đồng thời, tăng cường kiểm sát thi hành án hành chính.

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo thi hành án các địa phương khẩn trương tập trung chỉ đạo việc phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành án, đặc biệt là cưỡng chế giao tài sản đã bán đấu giá thành; giải quyết dứt điểm các vụ việc trọng điểm, giá trị lớn, phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương; xử lý nghiêm các trường hợp chây ỳ, trốn tránh, cố ý không chấp hành án.

Trên đây là kết quả công tác THADS, HC 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu công tác 06 tháng cuối năm 2020, Bộ Tư pháp mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg Thường trực Trương Hòa Bình (để b/c);
- Ban Nội chính Trung ương;
- Ban Chỉ đạo CCTP Trung ương;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Công an (C10, C11);
- Bộ Quốc phòng (Cục Thi hành án);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tư pháp, Cục THADS các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCTHADS.

  
**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
**Mai Lương Khôi**



**BỘ TƯ PHÁP**

**PHỤ LỤC THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH VIỆC**

*Kèm theo Báo cáo số 95 /BC-BTP ngày 29 tháng 4 năm 2020*

Đơn vị tính: Bàn ăn, quyết định, việc và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số bàn ăn, quyết định đã nhân	Tổng số giải quyết	Chia ra:			Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện (tư số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn thi hành án (tư điểm c k1, D 48)	Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	
				Năm trước chuyển sang (tư số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thu lý mới	Chia ra:					Chia ra:	Chia ra:	Chia ra:							
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Toàn quốc	399.621	639.257	298.359	340.898	5.896	152	633.209	490.469	259.820	254.210	5.610	229.774	399	476	138.915	3.350	475	373.389	52.97%
	Quân đội	170	874	437	437	26	1	847	704	262	260	2	438	4	-	143	-	-	585	37.22%
	THA	399.451	638.383	297.922	340.461	5.870	151	632.362	489.765	259.558	253.950	5.608	229.336	395	476	138.772	3.350	475	372.804	53.00%
1	An Giang	11.139	13.515	6.970	6.545	113	15	13.387	9.768	4.545	4.446	99	5.203	9	11	3.473	142	4	8.842	46.53%
2	Bắc Giang	6.462	8.452	3.063	5.389	97	1	8.354	6.901	4.587	4.515	72	2.301	3	10	1.330	123	-	3.767	66.47%
3	Bắc Kan	769	1.658	262	1.396	20	2	1.636	1.400	1.098	1.092	6	301	1	-	235	1	-	538	78.43%
4	Bạc Liêu	4.237	9.401	4.509	4.892	73	-	9.328	7.762	3.696	3.625	71	4.054	2	10	1.528	36	2	5.632	47.62%
5	Bắc Ninh	4.596	5.476	1.696	3.780	97	1	5.378	4.779	3.118	3.073	45	1.650	7	4	549	46	4	2.260	65.24%
6	Bến Tre	8.415	14.257	6.907	7.350	117	-	14.140	11.444	5.838	5.687	151	5.595	9	2	2.624	65	7	8.302	51.01%
7	Bình Định	3.488	7.212	3.068	4.144	14	6	7.192	5.683	3.116	3.063	53	2.563	-	4	1.474	29	6	4.076	54.83%
8	Bình Dương	5.831	16.612	7.318	9.294	246	8	16.358	14.295	7.071	6.902	169	7.177	7	40	1.756	278	29	9.287	49.46%
9	Bình Phước	6.647	11.864	5.554	6.310	116	6	11.742	9.035	4.248	4.088	160	4.740	21	26	2.616	88	3	7.494	47.02%
10	Bình Thuận	7.812	13.420	6.732	6.688	66	3	13.351	10.291	5.360	5.190	170	4.917	10	4	3.025	8	27	7.991	52.08%
11	BR-Vũng Tàu	7.975	10.269	4.302	5.967	37	1	10.231	8.493	4.851	4.776	75	3.622	6	14	1.668	63	7	5.380	57.12%
12	Cà Mau	5.284	16.080	8.285	7.795	89	4	15.987	11.665	5.812	5.632	180	5.815	15	23	4.222	91	9	10.175	49.82%
13	Cần Thơ	7.277	12.746	6.633	6.113	229	2	12.515	9.074	4.014	3.882	132	5.037	21	2	3.368	66	7	8.501	44.24%



STT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:					Chia ra:										Số chuyên kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
				Năm trước chuyên (từ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thu lý mới	Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:		Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, D 48	Tương hợp khác	Chưa có điều kiện (từ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (từ điểm c k1, D 48)	Tạm đình chỉ thi hành án			
										Thi hành xong	Định chỉ									
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
14	Cao Bằng	1.507	1.790	352	1.438	9	1.781	1.466	1.146	1.145	1	319	-	1	311	3	1	635	78.17%	
15	Đà Nẵng	3.642	8.861	4.290	4.571	162	8.699	6.306	3.093	3.023	70	3.203	-	10	2.365	12	16	5.606	49.05%	
16	Đắk Lắk	7.072	13.194	4.760	8.434	81	13.113	11.021	7.092	6.900	192	3.914	10	5	1.955	130	7	6.021	64.35%	
17	Đắk Nông	5.106	5.842	2.456	3.386	31	5.809	4.649	2.292	2.272	20	2.347	10	-	1.140	19	1	3.517	49.30%	
18	Điện Biên	1.660	2.008	435	1.573	57	1.951	1.650	1.314	1.286	28	331	5	-	293	8	-	637	79.64%	
19	Đồng Nai	11.428	21.376	11.574	9.802	198	21.175	15.364	7.825	7.560	255	7.493	40	6	5.609	162	40	13.350	50.93%	
20	Đồng Tháp	12.769	16.831	6.450	10.381	106	16.725	13.098	8.229	8.043	186	4.859	9	1	3.524	95	8	8.496	62.83%	
21	Gia Lai	5.998	11.365	6.119	5.246	42	11.315	7.962	3.988	3.834	154	3.967	7	-	3.256	93	4	7.327	50.09%	
22	Hà Giang	1.344	2.039	363	1.676	11	2.028	1.818	1.415	1.409	6	399	2	2	204	6	-	613	77.83%	
23	Hà Nam	2.305	2.305	1.039	1.266	12	2.293	1.680	1.050	1.033	17	626	-	4	611	-	2	1.243	62.50%	
24	Hà Nội	27.852	37.002	18.080	18.922	619	36.372	27.983	13.226	13.044	182	14.711	26	20	8.255	94	40	23.146	47.26%	
25	Hà Tĩnh	1.758	3.047	715	2.332	21	3.026	2.647	1.999	1.989	10	643	3	2	379	-	-	1.027	75.52%	
26	Hải Dương	1.217	7.322	2.957	4.365	154	7.168	5.929	3.873	3.826	47	2.044	1	11	1.232	3	4	3.295	65.32%	
27	Hải Phòng	8.059	10.232	5.691	4.541	72	10.156	7.072	3.345	3.311	34	3.717	1	9	3.072	1	11	6.811	47.30%	
28	Hậu Giang	5.190	7.695	4.042	3.653	84	7.610	5.934	2.507	2.393	114	3.419	4	4	1.617	55	4	5.103	42.25%	
29	Hồ Chí Minh	32.053	79.547	43.822	35.725	628	78.897	54.981	26.615	26.272	343	28.248	36	82	23.437	403	76	52.282	48.41%	
30	Hòa Bình	2.063	3.063	608	2.455	26	3.037	2.750	1.956	1.944	12	773	2	19	282	5	-	1.081	71.13%	
31	Hưng Yên	3.411	4.795	1.468	3.327	97	4.693	4.117	2.708	2.682	26	1.400	-	9	573	1	2	1.985	65.78%	
32	Khánh Hòa	9.152	9.555	5.277	4.278	26	9.525	7.174	3.501	3.446	55	3.672	1	-	2.334	11	6	6.024	48.80%	
33	Kiên Giang	9.513	13.800	7.011	6.789	105	13.695	10.381	4.963	4.734	229	5.395	3	20	3.170	141	3	8.732	47.81%	
34	Kon Tum	2.116	3.089	991	2.098	72	3.017	2.612	1.582	1.549	33	1.025	5	-	390	13	2	1.435	60.57%	



STT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chưa ra:				Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chưa ra:				Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, D 48)	Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
				Năm trước chuyên (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thu lý mới	Chưa ra:						Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, D 48	Tương hợp khác						
						Thi hành xong	Định chỉ													
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
35	Lai Châu	717	1.078	130	948	5	2	1.071	1.007	884	880	4	122	1	-	64	-	-	187	87.79%
36	Lâm Đồng	8.348	10.977	5.519	5.458	51	1	10.925	8.469	4.064	3.894	170	4.386	8	11	2.414	33	9	6.861	47.99%
37	Lạng Sơn	1.613	4.015	992	3.023	101	-	3.914	3.367	2.540	2.483	57	825	2	-	546	-	1	1.374	75.44%
38	Lào Cai	2.017	3.221	796	2.425	21	11	3.189	2.590	1.968	1.956	12	619	2	1	589	8	2	1.221	75.98%
39	Long An	22.031	22.349	12.157	10.192	142	2	22.205	16.034	7.500	7.348	152	8.520	5	9	5.875	263	33	14.705	46.78%
40	Nam Định	2.617	4.190	1.395	2.795	39	-	4.151	3.583	2.405	2.359	46	1.166	3	9	518	46	4	1.746	67.12%
41	Nghệ An	10.738	13.324	4.755	8.569	84	8	13.232	11.418	6.980	6.866	114	4.434	3	1	1.809	3	2	6.252	61.13%
42	Ninh Bình	3.107	3.910	1.886	2.024	33	-	3.877	3.217	1.642	1.618	24	1.572	3	-	657	3	-	2.235	51.04%
43	Ninh Thuận	4.244	5.314	2.307	3.007	23	3	5.288	4.269	2.058	2.039	19	2.202	9	-	988	30	1	3.230	48.21%
44	Phù Thọ	5.999	8.711	4.149	4.562	96	-	8.615	6.332	3.668	3.555	113	2.656	7	1	2.257	24	2	4.947	57.93%
45	Phù Yên	3.708	5.930	2.741	3.189	45	-	5.885	4.607	2.418	2.339	79	2.184	5	-	1.237	41	-	3.467	52.49%
46	Quảng Bình	2.444	2.852	915	1.937	17	2	2.833	2.448	1.591	1.579	12	854	1	2	379	1	5	1.242	64.99%
47	Quảng Nam	6.074	6.751	2.405	4.346	84	-	6.667	5.626	3.143	3.091	52	2.472	6	5	1.032	4	5	3.524	55.87%
48	Quảng Ngãi	3.908	5.735	2.566	3.169	58	2	5.675	4.640	2.344	2.314	30	2.267	3	26	988	32	15	3.331	50.52%
49	Quảng Ninh	6.396	6.799	2.589	4.210	37	-	6.762	5.888	3.585	3.522	63	2.299	4	-	861	7	6	3.177	60.89%
50	Quảng Trị	1.889	2.495	697	1.798	10	-	2.485	2.290	1.296	1.272	24	990	4	-	194	1	-	1.189	56.59%
51	Sóc Trăng	5.999	10.689	4.827	5.862	70	1	10.618	8.750	4.627	4.511	116	4.111	6	6	1.810	50	8	5.991	52.88%
52	Sơn La	3.543	4.059	1.303	2.756	20	-	4.039	3.597	2.409	2.377	32	1.186	-	2	439	2	1	1.630	66.97%
53	Tây Ninh	14.384	21.135	11.910	9.225	146	4	20.985	15.221	6.668	6.475	193	8.536	5	12	5.717	35	12	14.317	43.81%
54	Thái Bình	4.391	4.828	1.889	2.939	45	-	4.783	3.859	2.245	2.222	23	1.609	2	3	922	-	2	2.538	58.18%
55	Thái Nguyên	2.799	7.966	3.094	4.872	166	1	7.799	6.226	3.731	3.680	51	2.485	5	5	1.531	31	11	4.068	59.93%



STT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:				Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện		
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thu lý mới	Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA					Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành						Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác
													Thi hành xong	Đình chỉ								
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
56	Thanh Hóa	9.646	12.513	4.478	8.035	118	3	12.392	10.549	6.371	6.280	91	4.166	6	6	1.830	6	7	6.021	60,39%		
57	Tiền Giang	14.131	17.198	9.084	8.114	85	-	17.113	12.677	5.981	5.722	259	6.688	3	5	4.186	243	7	11.132	47,18%		
58	Trà Vinh	8.659	15.200	7.562	7.638	68	-	15.132	12.365	4.940	4.766	174	7.406	4	15	2.725	40	2	10.192	39,95%		
59	TT Huế	2.345	4.646	2.026	2.620	24	-	4.622	3.574	1.928	1.884	44	1.644	2	-	1.038	8	2	2.694	53,95%		
60	Tuyên Quang	3.100	3.519	1.037	2.482	54	-	3.465	2.901	2.073	2.043	30	827	1	-	525	39	-	1.392	71,46%		
61	Vinh Long	3.215	13.828	8.097	5.731	122	-	13.706	9.007	3.771	3.657	114	5.219	15	2	4.611	83	5	9.935	41,87%		
62	Vinh Phúc	2.810	5.446	1.830	3.616	96	1	5.349	4.551	3.126	3.088	38	1.425	-	-	775	23	-	2.223	68,69%		
63	Yên Bái	3.434	3.985	987	2.998	83	1	3.901	3.519	2.529	2.464	65	986	4	-	378	3	1	1.372	71,87%		



PHỤ LỤC THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH VỆ TIỀN

Kèm theo Báo cáo số 95/BC-BTP ngày 25 tháng 4 năm 2020

Đơn vị tính: 1.000 VND và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:			Ưy thác thi hành án	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành			Chia ra:			Chưa có điều kiện (từ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn thi hành án (từ điểm c k1, D 48)	Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện		
			Năm trước (từ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thủ lý mới	Thi hành xong				Thi hành xong	Đình chỉ	Giảm nghĩa vụ thi hành án	Đang thi hành	Hoàn theo điểm c k1, D 48	Tương hợp khác							
																				Chia ra:	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
Toàn quốc		248.837.709.703	180.316.589.368	68.521.120.335	8.856.632.473	1.271.246.391	238.709.830.839	144.942.482.834	24.039.107.720	20.390.182.389	4.546.522.999	2.402.331	118.915.702.550	688.294.711	399.377.853	85.326.697.205	3.546.706.809	4.893.943.991	213.770.723.119	17,21%	
Quân đội		184.322.205	146.343.822	37.981.383	4.673.437	500	179.649.248	53.684.171	6.248.554	6.225.054	4.000	19.500	46.983.556	452.081	-	125.965.077	-	-	173.400.694	11,64%	
THA		248.653.384.498	180.170.245.546	68.483.138.952	8.851.957.016	1.271.245.891	238.530.181.591	144.888.298.663	24.932.839.166	20.383.957.335	4.546.518.999	2.382.831	118.868.719.014	687.862.630	399.377.853	85.200.782.128	3.546.706.809	4.893.943.991	213.597.322.425	17,21%	
1	An Giang	3.770.064.125	2.792.623.548	977.440.577	57.463.005	27.530.684	3.688.070.436	1.737.675.794	154.269.284	110.801.811	43.391.054	76.419	449.199.832	1.444.340	14.600	221.422.788	73.530.868	114.190.339	3,45%	13,06%	
2	Bắc Giang	1.032.030.771	598.965.553	433.065.218	132.149.059	-	899.881.712	604.928.056	154.269.284	110.801.811	43.391.054	76.419	449.199.832	1.444.340	14.600	221.422.788	73.530.868	-	-	745.612.428	25,50%
3	Bắc Kan	60.448.135	28.095.437	32.352.718	1.407.789	175.760	58.866.606	44.640.155	7.510.547	6.996.971	510.813	2.763	36.492.683	636.925	-	14.219.033	7.418	-	51.356.059	16,82%	
4	Bạc Liêu	1.028.380.589	747.904.923	280.475.666	14.084.913	-	1.014.295.676	652.369.466	73.532.464	54.627.442	18.857.621	47.401	578.082.047	458.687	296.268	355.042.440	6.701.771	181.999	940.763.512	11,27%	
5	Bắc Ninh	1.859.884.824	1.152.046.015	707.836.809	285.561.916	12	1.574.522.986	1.126.336.583	125.276.407	98.110.966	27.106.312	59.189	1.000.696.271	363.701	4	408.547.157	39.098.379	540.977	1.449.246.489	11,12%	
6	Bến Tre	1.184.590.108	852.380.236	332.209.871	24.704.930	-	1.159.885.178	785.871.948	206.563.493	156.937.997	49.625.496	-	577.442.616	1.710.620	155.219	360.833.585	12.524.906	657.740	953.211.685	26,28%	
7	Bình Định	1.813.773.617	1.198.872.574	614.901.043	9.197.078	907.436	1.803.669.103	1.169.513.376	119.078.851	111.927.540	7.151.311	-	1.050.122.759	-	311.766	624.492.041	7.420.930	2.242.756	1.684.590.552	10,18%	
8	Bình Dương	6.122.450.619	5.079.708.729	1.042.681.880	180.324.204	2.725.851	5.939.460.564	3.588.012.799	1.088.316.809	374.959.158	713.302.808	54.843	2.891.283.819	842.780	7.569.391	1.269.303.024	222.403.948	459.680.793	4.851.083.755	27,29%	
9	Bình Phước	1.776.536.467	1.085.537.263	690.999.204	13.698.360	18.337	1.762.819.770	1.202.757.517	125.563.824	78.349.030	47.214.794	-	1.048.688.687	3.717.684	24.767.322	487.346.378	71.874.843	861.032	1.637.255.946	10,44%	
10	Bình Thuận	1.874.428.521	1.496.323.730	378.104.791	29.036.909	2.997.900	1.842.793.712	1.379.781.386	164.375.426	112.812.656	51.562.770	-	1.204.335.571	11.070.389	-	436.493.832	23.571.230	2.947.264	1.678.418.286	11,91%	
11	BR-Vũng Tàu	2.693.117.025	2.198.846.950	494.270.075	28.899.612	683.500	2.663.533.113	1.629.860.369	475.918.756	312.310.476	163.589.199	19.081	1.125.895.157	25.310.832	2.735.644	962.810.679	64.606.289	6.256.576	2.187.615.157	29,20%	
12	Cà Mau	4.473.459.003	4.036.733.886	426.725.117	43.802.017	119.500	4.429.537.486	1.836.200.318	541.903.397	141.601.094	400.249.668	52.635	1.291.530.562	1.296.564	1.469.795	2.571.641.884	15.655.996	6.239.288	3.887.634.089	29,51%	
13	Cần Thơ	2.992.323.274	2.344.278.064	648.045.270	114.754.700	1.800	2.877.566.774	1.470.565.084	244.874.654	142.935.352	101.915.302	-	1.220.237.829	4.588.430	870.171	1.327.961.218	61.489.046	17.551.426	2.632.692.120	16,65%	
14	Cao Bằng	62.836.232	32.668.667	30.167.585	490.731	-	62.345.521	33.739.900	22.977.928	22.562.600	411.765	3.563	10.761.972	-	-	27.850.988	754.633	-	39.367.935	68,10%	
15	Đà Nẵng	7.461.041.838	5.507.100.273	1.935.941.585	687.882.510	-	6.773.139.348	1.849.618.667	142.530.982	119.549.146	22.958.119	23.717	1.706.606.404	33.320	447.961	4.783.879.175	59.032.072	80.629.434	6.630.628.366	7,71%	



STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chưa trả:			Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phát thi hành	Tổng số cơ điều kiện thi hành	Chưa trả:			Đang thi hành	Hoàn theo điểm c k1, D 48	Trương hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn thi hành an (trừ điểm c k1, D 48)	Tạm đình chỉ thi hành an	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số cơ điều kiện	
			Nằm trước (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thu lý mới	Ủy thác thi hành an				Chưa trả:											
									1	2	3									4
A																				
16	Đắk Lắk	1.440.498.284	882.934.169	557.564.115	23.965.098	13.300	1.416.519.886	836.878.202	151.448.606	115.277.708	36.115.300	55.598	679.740.797	1.588.504	4.100.295	518.670.317	59.909.671	1.061.696	1.245.071.280	18,10%
17	Đắk Nông	846.299.114	637.957.160	208.341.954	13.479.755	13.868	832.805.491	400.345.697	38.442.002	32.986.380	5.630.164	25.458	357.646.032	4.257.663	-	423.664.699	8.788.735	6.340	794.363.489	9,60%
18	Điện Biên	148.406.704	62.547.454	85.859.250	6.120.832	-	142.283.831	105.633.665	52.170.633	50.565.434	1.367.894	37.205	53.393.033	70.000	-	35.572.061	1.080.125	-	90.115.219	49,39%
19	Đồng Nai	4.218.432.832	3.100.455.590	1.117.977.342	66.972.238	2.202.726	4.149.256.848	2.787.474.236	425.872.348	295.706.626	130.055.293	110.429	2.267.829.891	93.177.227	594.770	1.249.034.112	63.650.921	49.097.579	3.723.384.500	13,28%
20	Đồng Tháp	1.277.635.223	1.158.804.021	578.831.202	45.412.956	-	1.692.222.267	935.486.633	177.407.118	160.613.150	16.769.151	24.817	757.137.764	616.255	325.496	725.580.238	30.085.996	1.101.400	1.514.815.149	18,96%
21	Gia Lai	1.532.199.759	1.016.238.297	355.961.462	7.334.807	33.803	1.544.831.149	858.597.420	80.877.138	62.374.157	18.479.839	23.142	776.917.123	803.159	-	657.098.651	28.396.729	738.350	1.463.954.011	9,42%
22	Hà Giang	98.855.026	38.615.653	60.239.463	1.376.979	-	97.478.047	72.150.282	9.443.950	9.087.738	429.784	26.428	62.096.081	490.000	20.251	23.886.949	1.440.816	-	87.934.097	13,23%
23	Hà Nam	840.473.914	143.817.734	696.656.180	2.275.938	-	838.197.956	773.101.907	36.079.862	24.755.809	11.318.743	5.310	756.810.226	-	211.819	64.992.826	-	103.223	802.118.094	4,67%
24	Hà Nội	40.539.738.219	27.154.368.845	13.405.569.574	1.521.279.121	6.620.523	39.031.838.575	26.023.298.430	2.576.510.315	2.058.841.221	517.311.698	357.397	23.266.347.024	164.162.733	16.278.358	12.399.429.825	194.460.786	414.649.535	36.455.328.260	9,90%
25	Hà Tĩnh	1.642.617.668	1.412.787.275	229.820.293	33.669.690	-	1.608.947.978	222.462.263	42.334.568	39.092.482	3.213.656	28.450	159.294.093	21.133.609	2	1.386.185.715	-	-	1.566.613.410	19,00%
26	Hải Dương	1.974.729.910	1.746.139.239	228.390.671	994.988.677	-	979.741.233	476.770.323	125.537.021	81.506.685	43.988.033	42.303	350.574.381	207.834	651.087	424.259.866	2.386.340	76.324.724	854.204.212	26,33%
27	Hải Phòng	6.467.721.795	5.489.306.551	978.415.244	92.303.077	487.560	6.374.929.158	3.936.145.107	285.382.250	188.390.271	96.980.667	11.312	3.624.911.288	131.950	25.719.619	1.947.540.950	474.846.619	16.396.482	6.089.546.908	7,25%
28	Hậu Giang	837.037.866	517.781.949	310.255.917	16.196.411	5.500	820.835.955	611.862.647	78.117.649	52.320.644	25.297.005	-	531.822.669	637.181	1.283.148	200.016.647	8.660.243	296.418	742.718.306	12,77%
29	Hồ Chí Minh	98.538.946.400	77.177.214.793	21.081.731.606	2.074.542.406	298.633.181	95.885.750.812	59.110.342.368	11.699.960.573	10.703.805.062	996.048.961	106.550	46.996.198.835	143.913.586	270.460.373	32.879.563.985	1.265.985.583	2.631.660.876	84.185.290.239	19,79%
30	Hòa Bình	244.594.263	143.975.897	100.618.366	9.471.741	-	235.122.523	111.062.464	24.930.349	23.715.522	1.204.290	10.037	79.723.220	20.000	6.388.894	122.761.249	1.298.811	-	210.192.174	22,45%
31	Hưng Yên	2.616.076.400	683.550.952	1.930.525.448	1.333.846.380	74.303	1.262.155.717	959.288.359	357.985.761	325.022.145	32.951.819	11.797	596.666.378	-	4.636.220	300.444.475	1.596.581	826.302	904.169.956	37,32%
32	Khánh Hòa	1.899.568.842	1.323.704.980	665.863.862	5.758.503	1.399.168	1.982.411.170	1.449.408.688	454.868.595	430.786.669	24.081.926	-	994.421.542	118.550	-	513.111.576	18.679.655	1.211.251	1.527.542.575	31,38%
33	Kiên Giang	2.032.617.342	1.311.442.532	721.174.810	104.412.714	-	1.938.204.628	1.262.069.671	209.600.339	171.311.156	38.216.693	72.490	1.043.023.251	132.000	9.254.081	583.597.795	81.395.552	1.201.610	1.718.604.289	16,61%
34	Kon Tum	504.323.124	275.280.464	229.042.660	16.416.363	-	487.906.761	292.011.378	70.389.680	60.539.237	9.833.556	16.587	221.553.600	68.098	-	149.010.987	45.015.645	1.868.751	417.517.081	24,11%
35	Lai Châu	10.807.931	4.435.372	6.372.559	97.326	636.444	10.074.161	7.176.072	2.978.991	2.520.998	417.148	40.845	4.196.618	463	-	2.898.089	-	-	7.095.170	41,51%



STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chi trả:			Thủ hồi, sửa, hủy quyết định T/H	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chi trả:		Chi trả:		Hoàn theo điểm c, k1, D 48	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (từ số đã chuyển số theo dõi riêng)		Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành trong số có điều kiện	
			Nhan trước chuyển sang (từ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thu lý mới	Ủy thác thi hành án				Chi trả:		Chi trả:									
									1	2	3	4			5	6				7
36	Lâm Đồng	2.376.790.217	1.841.663.927	535.126.290	10.830.532	71.120	2.356.888.565	1.277.421.126	234.635.885	132.759.231	101.889.634	7.000	944.374.908	93.733.863	4.656.470	1.038.993.070	27.047.604	2.426.765	2.131.232.680	18.37%
37	Lang Son	467.564.801	338.744.051	128.820.750	15.476.787	-	452.088.014	148.647.794	46.455.648	37.789.646	8.385.419	82.383	102.035.996	134.130	-	303.427.117	-	13.103	405.632.366	31.29%
38	Lào Cai	438.413.081	168.981.011	289.432.070	18.677.670	321.365	439.414.046	225.891.283	28.401.511	23.720.086	4.681.425	-	195.922.289	1.567.482	1	138.846.199	45.602.542	29.074.022	411.012.333	12.57%
39	Long An	7.414.081.546	4.809.677.312	2.604.404.234	35.392.227	1.332	7.238.687.787	3.026.723.043	712.403.974	408.841.098	303.927.718	331.158	2.213.831.004	205.294	262.771	3.326.790.323	116.138.984	909.035.438	6.666.283.813	23.54%
40	Nam Định	1.470.926.121	202.299.998	1.268.326.123	4.338.876	-	1.466.587.245	1.339.003.884	69.364.786	64.270.086	4.757.808	36.892	1.265.873.319	811.087	2.952.692	98.574.840	28.939.996	68.525	1.397.222.459	5.18%
41	Nghệ An	1.586.968.733	939.174.572	627.794.161	27.730.130	39.126	1.359.199.477	1.103.284.450	159.742.780	124.421.843	35.226.615	94.322	943.424.265	9.273	108.132	454.556.277	1.338.750	-	1.399.456.697	14.88%
42	Ninh Bình	522.606.171	415.393.776	107.212.395	16.610.777	54.610	505.940.784	305.488.637	68.249.315	56.593.025	11.656.290	-	237.221.000	16.322	-	197.708.802	2.743.343	-	437.691.469	22.34%
43	Ninh Thuận	501.175.497	401.307.682	99.867.815	1.191.389	7.051.871	492.932.237	330.734.159	38.699.245	41.635.175	17.064.070	-	215.312.378	56.722.536	-	146.619.085	15.778.992	1	434.232.992	17.75%
44	Phù Thọ	2.466.993.258	2.181.686.043	285.307.215	238.267.070	-	2.228.726.188	1.644.331.024	1.061.896.998	1.050.593.618	11.269.470	33.910	581.072.886	1.381.140	-	564.417.306	18.265.554	1.692.304	1.166.829.190	64.58%
45	Phù Yên	1.702.412.615	1.553.270.140	149.142.475	9.108.644	-	1.693.303.971	771.967.070	98.699.477	83.211.340	15.488.137	-	673.065.631	201.972	-	890.535.245	30.743.008	38.648	1.394.604.494	12.79%
46	Quảng Bình	3.039.747.948	772.799.277	2.266.948.671	8.401.033	917.615.639	2.113.731.274	1.486.396.457	36.198.130	34.010.187	2.187.943	-	1.448.576.955	220.194	1.401.178	626.234.154	560.961	539.702	2.077.531.144	2.44%
47	Quảng Nam	1.563.001.399	1.225.656.240	337.345.549	10.375.431	-	1.532.626.338	1.234.588.096	80.074.070	72.291.546	7.684.980	97.544	1.134.210.262	230.088	73.676	317.637.614	316.376	84.272	1.472.552.288	6.49%
48	Quảng Ngãi	974.414.288	674.078.909	300.335.379	13.442.207	54.381	960.917.200	567.095.485	104.823.284	73.265.059	31.538.225	-	457.894.566	1.043.176	3.334.459	372.227.894	3.265.015	18.328.806	856.093.915	18.48%
49	Quảng Ninh	1.288.529.349	899.695.831	385.833.498	37.016.192	-	1.248.513.157	692.473.045	106.460.562	90.726.370	15.566.543	167.649	577.930.207	8.082.276	-	537.220.238	17.294.907	1.524.948	1.142.052.396	15.37%
50	Quảng Trị	311.722.476	237.301.987	94.420.489	2.274.339	-	329.448.137	212.617.225	31.186.656	23.493.279	7.693.377	-	180.614.954	813.615	-	115.930.912	900.000	-	298.261.481	14.67%
51	Sóc Trăng	1.399.861.489	935.538.061	644.303.428	12.561.172	1	1.387.300.316	1.148.179.741	198.730.762	170.800.392	27.930.370	-	948.512.933	795.411	140.635	393.164.150	37.440.295	8.516.130	1.388.565.534	17.31%
52	Son La	326.148.490	265.720.716	60.427.774	10.831.461	-	315.297.029	238.097.806	23.760.531	17.063.973	6.534.642	141.916	234.336.187	-	1.088	57.081.423	117.500	300	291.536.498	9.21%
53	Tây Ninh	2.338.721.320	1.788.338.471	570.372.849	75.914.120	1.006.704	2.231.720.496	1.404.687.884	231.081.765	196.264.002	34.817.763	-	1.160.715.562	9.234.308	3.386.249	862.219.991	14.670.390	142.231	2.050.638.731	16.43%
54	Thái Bình	934.433.302	796.793.202	137.642.100	20.740.619	500	913.694.183	310.535.486	58.981.603	55.007.376	3.974.227	-	230.840.083	570.913	160.887	603.092.347	-	48.330	854.712.380	18.99%
55	Thái Nguyên	926.122.819	377.639.364	549.083.455	40.380.463	4.262	885.338.094	414.141.671	54.197.501	43.439.061	10.618.824	119.616	339.431.215	223.231	289.724	421.401.720	27.635.048	22.338.755	831.340.593	13.09%

STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:			Ủy thác thi hành án	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phát thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:			Giảm nghĩa vụ thi hành án	Đang thi hành	Hoàn theo điểm c k1, D 48	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (từ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn thi hành án (từ điểm c k1, D 48)	Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện												
			1	2	3					Chia ra:												8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
										4	5	6																					
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19													
56	Thanh Hòa	3.009.218,456	1.071.443,602	1.937.775,394	15.374,536	27.524	2.993.816,396	2.491.556,862	132.926,463	120.482,656	32.441.135	2.652	2.333.488,692	3.359.902	1.781.805	495.661,981	4.962.481	1.635.072	2.840.889,933	6,14%													
57	Tiền Giang	1.816.681,078	1.284.341,505	532.339,574	5.110,632	-	1.811.570,446	949.809,934	210.379,868	150.462,386	59.911,483	5.499	738.276,185	153.074	1.000,807	785.772,673	75.427,371	560,468	1.601.190,578	22,15%													
58	Tra Vinh	967.844,020	576.124,383	391.719,637	24.363,982	-	943.480,038	742.816,789	111.818,533	83.372,234	26.437,174	9.125	629.861,898	678,247	458.111	184.867,096	15.729,553	56,600	831.661,505	15,05%													
59	TT Huế	721.135,962	507.119,111	214.016,851	17.055,592	-	704.080,370	486.825,632	112.209,298	102.646,708	9.862,590	-	374.590,133	26,201	-	215.596,629	1.553,833	104,276	591.871,072	23,05%													
60	Tuyên Quang	356.878,080	106.155,345	250.722,735	108.163,300	-	248.714,780	171.335,732	15.917,851	11.677,034	4.102,893	137,924	155.370,429	47,452	-	71.712,529	5.666,519	-	232.796,929	9,29%													
61	Vinh Long	2.491.550,695	1.744.313,147	747.237,548	35.199,048	-	2.456.351,647	971.049,627	162.046,863	132.703,802	29.343,061	-	786.301,317	22.647,684	53,763	1.453.393,101	23.051,571	8.857,248	2.294.304,784	16,69%													
62	Vinh Phuc	498.695,034	368.928,592	129.766,532	20.921,499	7.800	477.765,735	276.320,011	69.907,520	58.565,503	11.339,167	2.850	206.822,491	-	-	168.415,416	32.620,308	-	407.838,215	25,26%													
63	Yên Bái	256.788,040	201.013,266	55.774,774	2.804,982	300	253.982,758	132.473,683	13.542,650	10.041,862	3.439,623	61,165	138.659,206	871,827	-	100.672,255	538,094	298,726	240.440,108	8,88%													



**XÂY DỰNG VĂN BẢN, ĐỀ ÁN VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2020***(Kèm theo Báo cáo số 95 /BC-BTP ngày 25 tháng 4 năm 2020)***A. VĂN BẢN, ĐỀ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH**

TT	Tên đề án, văn bản	Thời gian thực hiện	Số, ký hiệu văn bản ban hành	Ghi chú
1	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS	Quý I/2020	Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ	Năm 2019 chuyển sang
2	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính.	Quý I/2020	Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính.	
3	Thông tư về chế độ báo cáo thông kê THADS, theo dõi THAHC	Quý II/2020	Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 21/11/2019	Năm 2019 chuyển sang
4	Đề án nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trong lĩnh vực THADS, THAHC giai đoạn 2020-2022.		Quyết định số 2862/QĐ-BTP ngày 13/11/2019 phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trong lĩnh vực THADS, THAHC giai đoạn 2020-2022.	

**B. VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRONG THỜI HẠN**

TT	Tên đề án, văn bản	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
<b>I. VĂN BẢN, ĐỀ ÁN THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH PHỦ</b>				

1	Xây dựng Đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế	Quý III/2020	Đã báo cáo LD Bộ định hướng xây dựng Đề án và thành lập Ban, Tổ soạn thảo Đề án. Hiện đang lấy ý kiến thành viên Ban soạn thảo về Kế hoạch hoạt động của BST, dự thảo Đề án và đề cương dự thảo Chỉ thị.	
2	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Nghị định của Chính phủ về quản lý, xử lý vật chứng	Quý III/2020		

TT	Tên đề án, văn bản	Thời gian thực hiện	Số, ký hiệu văn bản ban hành	Ghi chú
3	Đề án giải thể Trung tâm; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành QĐ bãi bỏ điểm h khoản 1 Điều 3 QĐ 61	Quý III/2020	Đang xin ý kiến Thủ tướng phụ trách về hồ sơ gửi Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật thẩm định QĐ của TTgCP	
4	Đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan THADS	Quý III/2020	Đã báo cáo, xin ý kiến các thành viên Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp về định hướng xây dựng Đề án, trình Lãnh đạo Bộ ký Quyết định thành lập Tổ soạn thảo. Ngày 27/02/2020 đã họp Tổ soạn thảo lần 1. Hiện đang tiếp thu, giải trình ý kiến các thành viên Tổ soạn thảo	
5	Đề án thay thế Đề án 77 "Đầu tư trang thiết bị phương tiện làm việc cho các cơ quan THADS giai đoạn 2016-2020"	Quý I/2020 (tháng 3/2020)	Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 17/TT-Tr-BTP ngày 30/3/2020 trình Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án	
<b>II. VĂN BẢN, ĐỀ ÁN THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ</b>				
1	Nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng Thông tư liên tịch giữa Bộ Tư pháp, VKSNDTC, Bộ TN&MT, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế về phối hợp, hướng dẫn, xử lý tiêu hủy vật chứng trong THADS	Quý IV/2020		
2	Xây dựng Đề án "Quy chế phối hợp liên ngành trong truy nguyên, truy tìm tài sản do phạm tội mà có để tạm giữ, kê biên, phong tỏa phục vụ thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế từ giai đoạn điều tra đến khi kết thúc thi hành án	Quý IV/2020		
3	Thông tư sửa đổi Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành THADS	Quý II/2020	Ngày 10/02/2020, Tổng cục THADS đã tổ chức cuộc họp Tổ soạn thảo (lần 2) để xin ý kiến đối với nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ CVĐCVXDPL và ý kiến của Bộ Nội vụ. Hiện đang báo cáo LDB xem xét, cho ý kiến.	Năm 2019 chuyển sang



TT	Tên đề án, văn bản	Thời gian thực hiện	Số, ký hiệu văn bản ban hành	Ghi chú
4	Quyết định thay thế Quyết định số 2785/QĐ-BTP ngày 25/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt cơ cấu tổ chức Cục THADS, số lượng lãnh đạo Cục, Lãnh đạo Phòng và Lãnh đạo Chi cục THADS	Quý III/2020	Đã báo cáo định hướng thành lập tổ soạn thảo	
5	Đề án giai thể Trung tâm TK, QLĐL&ỦDCNTT	Quý III/2020 (trình Chính phủ tháng 6/2020)	Đang xin ý kiến Thứ trưởng phụ trách về hồ sơ gửi Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật thẩm định QĐ của TTgCP	
6	Đề tài cấp Bộ về thực trạng công tác thi hành án hành chính và định hướng hoàn thiện pháp luật về thi hành án hành chính ở Việt Nam	Trong năm 2020		Năm 2019 chuyển sang
7	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong THADS	Quý IV/2020	Đang báo cáo LDB chủ trương, định hướng sửa đổi, bổ sung. Hiện đang phối hợp các đơn vị thuộc Bộ và thuộc Tổng cục để thành lập Tổ soạn thảo	
8	Thông tư thay thế Thông tư số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/5/2016 hướng dẫn phối hợp trong thống kê THADS	Quý II/2020	Đang tổng hợp báo cáo tổng kết 4 năm thực hiện Thông tư số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC của các địa phương	
9	Xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1162/QĐ-BTP ngày 24/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm của Tổng cục THADS	Quý I/2020	Đã tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Vụ TCCB Bộ và đã hoàn thiện dự thảo Quyết định trình Bộ trưởng cho ý kiến	
10	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi Chuẩn mực đạo đức Chấp hành viên	Quý III/2020		
11	Nghị quyết chuyên đề của BCSD Đảng Bộ Tư pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế		Đã dự thảo Nghị quyết, đang xin ý kiến thành viên đề báo cáo LĐTCT	

**PHỤ LỤC**  
**KẾT QUẢ THEO DỜI VIỆC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH**  
*Kèm theo Báo cáo số 95 /BC-BTP ngày 23 tháng 4 năm 2020*

Đơn vị tính: Việc

Số TT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án dân sự nhân từ Tòa án nhân dân	Chia ra:				Số QĐ được THAHC được Tòa án nhân dân chuyển giao cho cơ quan THADS chia theo nội dung theo dõi	Chia ra:				Số vụ việc cơ quan THADS làm việc với người phải thi hành án	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý đó không chấp hành án	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi đã thi hành xong	Chia ra:				Số trường hợp người phải thi hành án bị xử lý trách nhiệm theo kiến nghị của cơ quan THADS		
			Chia ra:		Chia ra:			Chia ra:		Chia ra:											
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới	Kỳ trước chuyên sang	Thụ lý mới		Số bản án đã có QĐ được THAHC	Số bản án không có QĐ được THAHC	Số bản án đã có QĐ được THAHC	Số bản án không có QĐ được THAHC										
															Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới					
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Tổng số		1.368	579	324	255	789	156	358	114	119	32	577	138	34	37	22	45	441	255	186	0
1	An Giang	4	4	2	2	0	4	0	1	3	0	4	3	1	0	0	2	1	0	1	0
2	Bắc Giang	6	6	1	5	0	0	6	0	0	0	6	3	0	0	0	3	3	1	2	0
3	Bắc Kan	2	2	1	1	0	2	2	0	0	0	2	1	1	0	0	1	1	0	1	0
4	Bạc Liêu	35	4	0	4	31	4	2	2	0	0	4	2	0	0	2	0	2	0	2	0
5	Bắc Ninh	10	0	0	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bến Tre	29	6	0	6	23	0	0	0	0	0	6	6	0	0	0	6	0	0	0	0
7	Bình Định	44	6	2	4	38	6	1	0	5	0	6	2	0	0	2	0	4	2	2	0
8	Bình Dương	23	13	7	6	10	0	12	0	0	0	13	1	0	1	0	0	12	6	6	0
9	Bình Phước	10	10	8	2	0	1	0	0	1	0	10	1	0	1	0	0	9	7	2	0
10	Bình Thuận	22	22	17	5	0	1	20	1	1	0	22	2	2	0	0	0	20	15	5	0
11	BR-Vũng Tàu	40	40	17	23	0	16	3	11	2	0	40	7	5	2	0	0	33	10	23	0
12	Cà Mau	4	4	3	1	0	4	3	0	1	0	4	1	1	0	0	0	3	3	0	0
13	Cần Thơ	26	8	0	8	18	1	1	1	1	0	8	8	0	0	1	7	0	0	0	0
14	Cao Bằng	2	2	1	1	0	2	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	1	1	0
15	Đà Nẵng	28	8	4	4	20	6	8	6	8	0	8	0	0	0	0	0	8	4	4	0
16	Đắk Lắk	29	29	23	6	0	12	29	11	15	17	29	3	1	2	0	0	26	20	6	0



Số TT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận từ Tòa án nhân dân	Chia ra:					Chia ra:										Số trường hợp người phải thi hành án bị xử lý trách nhiệm theo kiến nghị của cơ quan THADS							
			Tổng số bản án, quyết định có nội dung theo dõi	Chia ra:		Số bản án, quyết định không có nội dung theo dõi	Số QĐ buộc THAHC được Tòa án nhân dân chuyên giao cho cơ quan THADS chia theo nội dung theo dõi	Chia ra:		Số bản án, quyết định đã ra thông báo tự nguyện THA	Số quyết định buộc thi hành án đã đăng tải công khai	Số vụ việc cơ quan THADS làm việc với người phải thi hành án	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý do không chấp hành án	Tổng số	Chia ra:		Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi đã thi hành xong		Chia ra:		Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi chưa thi hành xong	Chia ra:			
				Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới			Kỳ trước chuyển sang	Thụ lý mới						Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới			Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án không có QĐ buộc THAHC		Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án không có QĐ buộc THAHC	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
17	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
18	Điện Biên	19	8	0	8	11	0	8	0	0	0	8	5	0	0	5	0	3	0	0	0				
19	Đông Nai	22	11	8	3	11	8	11	8	9	0	11	1	0	1	0	0	10	7	3	0				
20	Đông Tháp	34	1	1	0	33	1	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0				
21	Gia Lai	8	6	4	2	2	1	6	1	1	1	6	1	1	0	0	0	5	3	2	0				
22	Hà Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
24	Hà Nội	22	22	20	2	0	18	20	18	20	0	22	2	2	0	0	0	20	18	2	0				
25	Hà Tĩnh	1	1	1	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0				
26	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
27	Hải Phòng	28	6	3	3	22	0	0	0	0	0	6	1	1	0	0	0	5	2	3	0				
28	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
29	Hồ Chí Minh	203	102	59	43	101	0	91	0	11	8	102	13	1	5	0	7	89	53	36	0				
30	Hòa Bình	4	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
31	Hưng Yên	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0				
32	Khánh Hòa	8	8	0	8	0	0	8	0	0	0	8	6	0	0	6	0	2	0	2	0				
33	Kiên Giang	48	46	33	13	2	22	22	22	22	0	46	12	4	2	0	6	34	27	7	0				
34	Kon Tum	2	2	2	0	0	2	0	0	2	0	2	1	0	1	0	0	1	1	0	0				
35	Lai Châu	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
36	Lâm Đồng	37	18	8	10	19	0	18	0	0	0	18	4	0	1	0	3	14	7	7	0				





Số TT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận từ Tòa án nhân dân	Chia ra:				Chia ra:				Chia ra:				Chia ra:				Số trường hợp người phải thi hành án bị xử lý trách nhiệm theo kiến nghị của cơ quan THADS	
			Tổng số bản án, quyết định có nội dung theo dõi	Chia ra:		Số bản án, quyết định không có nội dung theo dõi	Số QĐ được THAHC được Tòa án nhân dân chuyển giao cho cơ quan THADS chia theo nội dung theo dõi	Số bản án, quyết định đã ra thông báo tự nguyện THA	Số quyết định buộc thi hành án đã đăng tải công khai	Số vụ việc cơ quan THADS làm việc với người phải thi hành án	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý do không chấp hành án	Chia ra:		Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi đã thi hành xong	Chia ra:		Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi chưa thi hành xong	Chia ra:		
				Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới							Chia ra:			Kỳ trước chuyển sang	Thụ lý mới		Chia ra:		
												Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án không có QĐ buộc THAHC					Số bản án đã có QĐ buộc THAHC		Số bản án không có QĐ buộc THAHC
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
57	Tiền Giang	30	11	3	8	19	4	11	4	0	1	11	0	0	0	0	11	3	8	0
58	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	TT Huế	13	2	0	2	11	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Tuyên Quang	15	3	0	3	12	3	3	0	0	3	2	0	0	2	1	0	1	0	0
61	Vĩnh Long	18	0	0	0	18	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Vĩnh Phúc	10	4	1	3	6	1	1	0	0	4	1	0	0	1	3	1	2	0	0
63	Yên Bái	8	2	0	2	6	2	2	0	0	2	1	0	1	0	1	0	1	0	0